

Số 4408-QĐ/HVBCTT-ĐT

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Điều chỉnh chuẩn đầu vào, hình thức tổ chức dạy học và
kiểm tra đánh giá ngành Quan hệ công chúng, chuyên ngành
Truyền thông Marketing chất lượng cao**

Căn cứ Quyết định số 9019-QĐ/HVCTQG ngày 29/4/2022 của Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1111-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 12/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 2873/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 25/8/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Truyền thông Marketing;

Xét đề nghị của Trưởng ban Quản lý Đào tạo và Trưởng khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo,

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh chuẩn đầu vào, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá ngành Quan hệ công chúng, chuyên ngành Truyền thông Marketing chất lượng cao (*Nội dung điều chỉnh đính kèm*).

Điều 2. Chuẩn đầu vào, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá ngành Quan hệ công chúng, chuyên ngành Truyền thông Marketing chất lượng cao được thực hiện từ khóa tuyển sinh năm học 2022 - 2023.

Điều 3. Trưởng ban Quản lý Đào tạo, Trưởng khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo,
- Học viện CTQG HCM,
- Hội đồng trường,
- Ban Giám đốc Học viện,
- Như điều 3,
- Lưu VT, ĐT.



GIÁM ĐỐC

Phạm Minh Sơn

**NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH CHUẨN ĐẦU VÀO, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ
KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ NGÀNH QUAN HỆ CÔNG CHÚNG, CHUYÊN NGÀNH
TRUYỀN THÔNG MARKETING CHẤT LƯỢNG CAO**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4408-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 15/9/2022
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

1. Chuẩn đầu vào của CTĐT

Đối tượng: Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc trình độ tương đương.

Tiêu chí, chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh: thực hiện theo Đề án tuyển sinh và Quy chế tuyển sinh từng năm của Học viện.

2. Hình thức tổ chức dạy học

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
A. Kiến thức giáo dục đại cương			44										
A1. Khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh			11										
1	TM51001	Triết học Mác- Lênin`	3	15	15	15	10	5	20	0	10	45	
2	KT51002	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	2	20	5	5	20	0	10	0	0	15	
3	CN51001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	5	5	10	10	5	0	5	15	
4	LS51002	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	5	5	10	10	10	0	0	15	
5	TH51001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	5	5	20	0	5	0	5	15	
A2. Khoa học xã hội và nhân văn			15										
Bắt buộc			9										
6	NP51001	Pháp luật đại cương	3	25	10	10	20	5	15	0	5	30	TM01012 CN01001

[illegible]

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
29	QQ52003	Lý thuyết truyền thông và quan hệ công chúng	3	25	10	10	15	10	10	0	10	30	
30	QQ56002	Nhập môn Quan hệ công chúng và Quảng cáo	3	25	10	10	15	10	10	0	10	30	
31	QQ56001	Marketing	3	25	10	10	15	10	10	0	10	30	
32	QQ52001	Kỹ năng xã hội 1 – Thề chất	3	25	10	10	15	10	10	10	0	30	
33	QQ56003	Nhập môn truyền thông tiếp thị tích hợp IMC	3	20	20	5	10	10	30	0	10	15	
Tự chọn			6/15										
34	QQ52004	Ngôn ngữ truyền thông	3	40	0	5	30	0	0	0	0	30	
35	QQ56005	Truyền thông xã hội	3	15	15	15	10	5	20	0	10	45	
36	QQ52002	Luật và đạo đức báo chí truyền thông	3	15	15	15	10	5	20	0	10	45	
37	QQ52005	Truyền thông trong lãnh đạo, quản lý	3	15	15	15	10	5	20	0	10	45	
38	QQ56004	Truyền thông quốc tế	3	15	15	15	10	5	20	0	10	45	
B2. Kiến thức ngành			12										
Bắt buộc			9										
39	QQ53015	Xây dựng và quản trị thương hiệu	3	10	20	15	5	5	10	0	25	45	
40	QQ53011	Thiết kế trình bày các sản phẩm truyền thông	3	10	25	10	10	0	15	0	35	30	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
41	QQ53006	Nghiên cứu và đánh giá trong truyền thông	3	25	10	10	15	10	10	0	10	30	
Tự chọn			3/6										
42	QQ53007	Quan hệ báo chí	3	20	20	5	10	10	30	0	10	15	
43	QQ56007	Chiến dịch truyền thông	3	15	15	15	10	5	10	0	20	45	
B3. Kiến thức chuyên ngành			21										
Bắt buộc			19										
44	QQ53002	Chiến lược Marketing	3	15	15	15	10	5	10	0	20	45	
45	QQ53010	Sáng tạo nội dung	3	10	25	10	10	0	15	0	35	30	
46	QQ53009	Sản xuất sản phẩm truyền thông	3	10	25	10	10	0	15	0	35	30	
47	QQ56008	Hành vi khách hàng	3	20	20	5	10	10	30	0	10	15	
48	QQ53012	Tổ chức sự kiện	3	10	25	10	5	5	5	0	45	30	
49	QQ53001	Các chuyên đề truyền thông	3	15	15	15	10	5	5	0	25	45	
50	QQ53004	Kỹ năng xã hội 2 – Tranh biện	2	15	15	0	5	10	15	0	15	0	
Tự chọn			3/6										
51	QQ53014	Văn hóa doanh nghiệp	3	25	10	10	25	0	5	0	15	30	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
52	QQ53013	Vận động hành lang trong quan hệ công chúng	3	15	15	15	10	5	5	0	25	45	
B4. Kiến thức bổ trợ			12										
Bắt buộc			9										
53	QQ53003	Kĩ năng bán hàng	3	15	15	15	10	5	5	0	25	45	
54	QQ53008	Quản lý vấn đề và xử lý khủng hoảng	3	15	15	15	10	5	5	0	25	45	
55	QQ53005	Kỹ năng xã hội 3 – Lễ tân ngoại giao và Hồ sơ xin việc	3	20	20	5	10	10	20	0	20	15	
Tự chọn			3/9										
56	QQ56006	Gây quỹ	3	25	10	10	15	10	10	0	10	30	
57	QQ56009	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp - CSR	3	15	15	15	10	5	10	0	20	45	
58	QQ56010	Truyền thông quảng bá ngôi sao	3	15	15	15	10	5	10	0	20	45	
B5. Kiến tập, thực tập, khóa luận tốt nghiệp			25										
59	QQ54014	Thực tế kinh tế - xã hội	5	15	45	15	5	10	0	0	90	45	
60	QQ54015	Thực tập nghề nghiệp	10	45	90	15	5	40	0	0	180	45	
61	QQ54016	Khóa luận tốt nghiệp/Tác phẩm tốt nghiệp	10	45	15	90	5	40	0	0	30	270	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		

3. Phương pháp giảng dạy và Hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

3.1. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy phải đa dạng, phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, của các học phần trong chương trình đào tạo. Một số phương pháp giảng dạy cơ bản được sử dụng trong chương trình đào tạo: Giảng lý thuyết, thảo luận (thảo luận nhóm, thảo luận chuyên đề), nghiên cứu trường hợp (Case study), dạy học thông qua vấn đề (Problem-based learning), dạy học thông qua làm dự án (Project-based learning), thuyết trình (người học thuyết trình - Presentation), đóng vai, mô phỏng (Roleplay, simulation), làm thí nghiệm, bài tập thực hành (Experiment, exercise), nghiên cứu thực địa, thực tế, thực tập (Fieldwork)...

3.2. Hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 12; điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 15 Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 1111/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 12/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)							
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
	chúng																
53	Kỹ năng bán hàng						x										
54	Quản lý vấn đề và xử lý khủng hoảng							x									
55	Kỹ năng xã hội 3 – Lễ tân ngoại giao và Hồ sơ xin việc					x											
56	Gây quỹ							x									
57	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp – CSR							x									
58	Truyền thông quảng bá ngôi sao							x									
59	Thực tế kinh tế - xã hội								x								
60	Thực tập								x								

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)							
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
	nghề nghiệp																
61	Khóa luận tốt nghiệp/Tác phẩm tốt nghiệp								x								

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4408/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 15/09/2022
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)*

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình bằng tiếng Việt: **Truyền thông Marketing**

Tên chương trình đào tạo bằng tiếng Anh: *Marketing Communication*

Mã ngành: (theo Thông tư 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo): **7320108**

Tên văn bằng: Cử nhân Truyền thông Marketing

Đơn vị cấp bằng: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Trình độ đào tạo: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy tập trung

Thời gian đào tạo: 4 năm

Số tín chỉ toàn khóa: 130 tín chỉ (chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh).

Đơn vị quản lý: Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo

Website: <https://ajc.hcma.vn/Pages/home.aspx>

Ngày ban hành: 15/09/2022

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo, bồi dưỡng cử nhân ngành truyền thông marketing hàng đầu có năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong lĩnh vực truyền thông và marketing, quan hệ công chúng; có kiến thức chuyên môn sâu, rộng; có kỹ năng nghiệp vụ, có tư duy sáng tạo, phân biện, có khả năng thích ứng với hoàn cảnh, làm việc trong môi trường công nghệ cao và hội nhập quốc tế; có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, trung thành với mục tiêu và lý tưởng của Đảng; có năng lực tự chủ và khả năng học tập suốt đời.

2.2. Mục tiêu cụ thể

PO1. Kiến thức cơ bản, hệ thống về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

PO2. Kiến thức nền tảng về các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan như chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, pháp luật, ngôn ngữ, tâm lý, văn học và tin học cơ bản.

PO3. Kiến thức cơ bản về một số ngành học liên quan bao gồm: báo chí, quảng cáo, marketing.

PO4. Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng về truyền thông marketing.

PO5. Kỹ năng phân tích, phản biện, phê phán và tư duy sáng tạo.

PO6. Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người nghe trong môi trường công việc.

PO7. Kỹ năng về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc và có năng lực ngoại ngữ bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

PO8. Kỹ năng cần thiết để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực truyền thông marketing.

PO9. Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện, đánh giá hiệu quả các chiến dịch, các dự án, xây dựng và quảng bá thương hiệu, sử dụng công cụ, trang thiết bị, phần mềm trong sáng tạo, thiết kế và sản xuất các sản phẩm trong lĩnh vực truyền thông marketing.

PO10. Kỹ năng dẫn dắt khởi nghiệp, phát triển các dự án, mô hình, doanh nghiệp hoặc tổ chức trong lĩnh vực truyền thông marketing.

PO11. Khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm trước tổ chức.

PO12. Khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và giám sát các hoạt động trong công việc.

2.3. Vị trí công tác sau tốt nghiệp

Người được đào tạo có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm sau đây:

- Nhân viên tại các công ty quảng cáo, truyền thông chuyên nghiệp trong và ngoài nước.

- Cán bộ truyền thông, marketing, QHCC cho các tổ chức của Nhà nước, doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ.

- Cán bộ nghiên cứu khoa học, truyền thông marketing và hoạt động thực tiễn.

- Cán bộ tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo, quản lý công tác báo chí truyền thông.

2.4. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi tốt nghiệp, người học có thể tiếp tục học lên trình độ thạc sĩ hoặc chuyển tiếp học tiến sĩ (nếu tốt nghiệp đạt từ loại giỏi) thuộc ngành truyền thông marketing hoặc các chuyên ngành gần tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. Người học tốt nghiệp ngành truyền thông marketing có nhiều cơ hội đạt học bổng tham gia các khóa học ngắn hạn và dài hạn về truyền thông quốc tế, báo chí, truyền thông... tại các

trường đại học uy tín trên thế giới.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)

STT	Nội dung
	Kiến thức
	3.1. Kiến thức chung
PLO1	Hiểu các kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của ĐCS Việt Nam.
PLO2	Hiểu và vận dụng các kiến thức về các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học như chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, pháp luật, ngôn ngữ, tâm lý, văn học và tin học cơ bản.
	3.2. Kiến thức ngành
PLO3	Vận dụng kiến thức cơ bản về truyền thông marketing bao gồm: lý luận, mô hình, phương tiện, ngôn ngữ, đối tượng, loại hình, luật pháp và đạo đức nhằm phát hiện, phân tích và giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn trong truyền thông marketing.
PLO4	Vận dụng các kiến thức lý luận và thực tiễn về truyền thông marketing trong lĩnh vực chính trị, văn hoá, kinh tế, xã hội, môi trường, giáo dục và các lĩnh vực khác.
PLO5	Vận dụng kiến thức cơ bản về một số ngành học liên quan bao gồm: báo chí, quan hệ công chúng vào hoạt động nghiên cứu và thực hành truyền thông marketing.
	3.3. Kiến thức chuyên ngành
PLO6	Vận dụng các kiến thức về lập kế hoạch, quy trình và các hoạt động, công cụ, chiến lược vào nghiên cứu, phát triển, vận hành và đánh giá các chiến dịch, dự án truyền thông marketing.
PLO7	Vận dụng kiến thức truyền thông marketing chuyên sâu vào quản lý vấn đề, quản lý danh tiếng, quản lý mối quan hệ với các nhóm công chúng của tổ chức và đánh giá thực trạng, dự báo xu hướng, đề xuất giải pháp kiến nghị trong lĩnh vực truyền thông.
	Kỹ năng
	Kỹ năng chung
PLO8	Kỹ năng phân tích, phản biện, giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo.
PLO9	Kỹ năng phát ngôn, giao tiếp, đàm phán và thuyết trình các ý tưởng.
PLO10	Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ bậc 4/6 theo yêu cầu trong thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT về Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc sử dụng cho Việt Nam.
PLO11	Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông ở trình độ cơ bản theo thông tư số 03/2014/TT-BTTTT theo mô tả trong chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.
	Kỹ năng chuyên ngành
PLO12	Kỹ năng lập kế hoạch truyền thông marketing: nghiên cứu, phân tích và giải quyết

vấn đề; tổ chức thực hiện, đánh giá hiệu quả các chiến dịch, các dự án truyền thông marketing.

PLO13 Kỹ năng thiết kế, sáng tạo và sản xuất các sản phẩm trong lĩnh vực truyền thông marketing.

PLO14 Kỹ năng quản lý mối quan hệ với các nhóm công chúng, quản lý các hoạt động, chiến dịch, dự án truyền thông marketing.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO15 Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm, có khả năng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

PLO16 Có thái độ tích cực, tinh thần trách nhiệm trong công việc, có đạo đức nghề nghiệp, năng lực tự chủ, có năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

PLO17 Năng lực lãnh đạo, điều phối, quản lý các nguồn lực, dẫn dắt khởi nghiệp các dự án, mô hình, doanh nghiệp hoặc tổ chức trong lĩnh vực truyền thông marketing.

3.4. Trình độ Ngoại ngữ, Tin học

Thực hiện theo Quy định về chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ, tin học đối với các hệ, các trình độ đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (Ban hành kèm theo Quyết định số 3780-QĐ/HVBC TT-ĐT ngày 09/9/2019 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền).

Trình độ ngoại ngữ: Người học khi tốt nghiệp phải đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 (~ B2) - Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Trình độ tin học: Người học khi tốt nghiệp phải có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (~ trình độ B) theo quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Ma trận liên kết giữa mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và khung trình độ quốc gia

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)																
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Kiến thức	x	x	x	x	x	x	x										
Kỹ năng								x	x	x	x	x	x	x			
Mức độ tự chủ và trách nhiệm															x	x	x

5. Tiêu chí tuyển sinh

Đối tượng: Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc trình độ tương đương.

Tiêu chí, chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh: thực hiện theo Đề án tuyển sinh và Quy chế tuyển sinh từng năm của Học viện.

6. Nội dung chương trình

6.1. Các khối kiến thức

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 130 tín chỉ (chưa bao gồm 12 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng) trong đó:

Khối kiến thức giáo dục đại cương	40
- Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh	11
- Khoa học xã hội và nhân văn	11
<i>Bắt buộc</i>	7
<i>Tự chọn</i>	4
- Tin học	3
- Ngoại ngữ	15
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	65
- Kiến thức cơ sở ngành	18
<i>Bắt buộc</i>	15
<i>Tự chọn</i>	3/15
- Kiến thức ngành	12
<i>Bắt buộc</i>	9
<i>Tự chọn</i>	3/6
- Kiến thức chuyên ngành	23
<i>Bắt buộc</i>	20
<i>Tự chọn</i>	3/6
- Kiến thức bổ trợ	12
<i>Bắt buộc</i>	9
<i>Tự chọn</i>	3/9
Kiến tập, thực tập, khoá luận tốt nghiệp	25
<i>Thực tế kinh tế - xã hội</i>	5
<i>Thực tập nghề nghiệp</i>	10
<i>Khoá luận tốt nghiệp / Tác phẩm tốt nghiệp</i>	10
Tổng	130 tín chỉ

6.2. Nội dung chương trình chi tiết

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
A. Kiến thức giáo dục đại cương			40										
A1. Khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh			11										
1	TM51001	Triết học Mác- Lênin`	3.0	15	15	15	10	5	20	0	10	45	
2	KT51001	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	2.0	20	5	5	20	0	10	0	0	15	
3	CN51001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.0	20	5	5	10	10	5	0	5	15	
4	LS51001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.0	20	5	5	10	10	10	0	0	15	
5	TH51001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.0	20	5	5	20	0	5	0	5	15	
A2. Khoa học xã hội và nhân văn			11										
Bắt buộc			7										
6	NP51001	Pháp luật đại cương	3.0	30	15	0	20	10	20	0	10	0	TM01012 CN01001
7	TG51001	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	2.0	20	5	5	15	5	5	0	5	15	
8	QQ56011	Viết luận Tiếng Anh (Academic Writing)	2.0	20	5	5	15	5	10	0	0	15	
Tự chọn			4/8										
9	TT51001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2.0	20	5	5	15	5	5	0	5	15	
10	TT51002	Lịch sử văn minh thế giới	2.0	20	5	5	20	0	5	0	5	15	

11	NN51015	Bồi dưỡng kỹ năng Tiếng Anh	2.0	20	5	5	20	0	10	0	0	15	
12	QT51001	Quan hệ quốc tế đại cương	2.0	20	5	5	20	0	5	0	5	15	
Khoa học tự nhiên			3										
13	ĐC51003	Tin học ứng dụng	3.0	5	20	20	5	0	0	40	0	60	
Ngoại ngữ			15										
14	NN51011	Tiếng Anh học phần 1	4.0	25	25	10	20	5	30	0	20	30	
15	NN51012	Tiếng Anh học phần 2	3.0	25	25	10	20	5	30	0	20	30	
16	NN51013	Tiếng Anh học phần 3	4.0	25	25	10	20	5	30	0	20	30	
17	NN51014	Tiếng Anh học phần 4	4.0	20	20	5	15	5	25	0	15	15	
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			65										
Kiến thức cơ sở ngành			18										
Bắt buộc			15										
18	QQ52003	Lý thuyết truyền thông và quan hệ công chúng	3	25	10	10	15	10	10	0	10	30	
19	QQ56002	Nhập môn Quan hệ công chúng và Quảng cáo	3	25	10	10	15	10	10	0	10	30	
20	QQ56001	Marketing	3	25	10	10	15	10	10	0	10	30	
21	QQ52001	Kỹ năng xã hội 1 – Thề chất	3	25	10	10	15	10	10	10	0	30	
22	QQ56003	Nhập môn truyền thông tiếp thị tích hợp IMC	3	20	20	5	10	10	30	0	10	15	
Tự chọn			3/15										

23	QQ52004	Ngôn ngữ truyền thông	3.0	40	0	5	30	0	0	0	0	30	
24	QQ56005	Truyền thông xã hội	3.0	15	15	15	10	5	20	0	10	45	
25	QQ52002	Luật và đạo đức báo chí truyền thông	3.0	15	15	15	10	5	20	0	10	45	
26	QQ52005	Truyền thông trong lãnh đạo, quản lý	3.0	15	15	15	10	5	20	0	10	45	
27	QQ56004	Truyền thông quốc tế	3.0	15	15	15	10	5	20	0	10	45	
Kiến thức ngành			12										
Bắt buộc			9										
28	QQ53015	Xây dựng và quản trị thương hiệu	3.0	10	20	15	5	5	10	0	25	45	
29	QQ53011	Thiết kế trình bày các sản phẩm truyền thông	3.0	10	25	10	10	0	15	0	35	30	
30	QQ53006	Nghiên cứu và đánh giá trong truyền thông	3.0	25	10	10	15	10	10	0	10	30	
Tự chọn			3/6										
31	QQ53007	Quan hệ báo chí	3.0	20	20	5	10	10	30	0	10	15	
32	QQ56007	Chiến dịch truyền thông	3.0	15	15	15	10	5	10	0	20	45	
B4. Kiến thức chuyên ngành			23										
Bắt buộc			20										
33	QQ53002	Chiến lược Marketing	3.0	15	15	15	10	5	10	0	20	45	
34	QQ53010	Sáng tạo nội dung	3.0	10	25	10	10	0	15	0	35	30	
35	QQ53009	Sản xuất sản phẩm truyền	3.0	10	25	10	10	0	15	0	35	30	

		thông											
36	QQ56008	Hành vi khách hàng	3.0	20	20	5	10	10	30	0	10	15	
37	QQ53012	Tổ chức sự kiện	3.0	5	20	20	5	5	5	0	45	30	
38	QQ53001	Các chuyên đề truyền thông	3.0	15	15	15	10	5	5	0	25	45	
39	QQ53004	Kỹ năng xã hội 2 – Tranh biện	2.0	15	15	0	5	10	15	0	15	0	
<i>Tự chọn</i>			3/6										
40	QQ53014	Văn hóa doanh nghiệp	3.0	25	10	10	25	0	5	0	15	30	
41	QQ53013	Vận động hành lang trong quan hệ công chúng	3.0	15	15	15	10	5	5	0	25	45	
Kiểm thức bổ trợ			12										
Bắt buộc			9										
42	QQ53003	Kỹ năng bán hàng	3.0	15	15	15	10	5	5	0	25	45	
43	QQ53008	Quản lý vấn đề và xử lý khủng hoảng	3.0	15	15	15	10	5	5	0	25	45	
44	QQ53005	Kỹ năng xã hội 3 – Lễ tân ngoại giao và Hồ sơ xin việc	3.0	20	20	5	10	10	20	0	20	15	
<i>Tự chọn</i>			3/9										
45	QQ56006	Gây quỹ	3.0	25	10	10	15	10	10	0	10	30	
46	QQ56009	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp - CSR	3.0	15	15	15	10	5	10	0	20	45	
47	QQ56010	Truyền thông quảng bá ngôi	3.0	15	15	15	10	5	10	0	20	45	

		sao											
C. Kiến tập, thực tập, khóa luận tốt nghiệp			25										
48	QQ54014	<i>Thực tế kinh tế - xã hội</i>	<i>5.0</i>	15	45	15	5	10	0	0	90	45	
49	QQ54015	<i>Thực tập nghề nghiệp</i>	<i>10.0</i>	45	90	15	5	40	0	0	180	45	
50	QQ54016	<i>Khóa luận tốt nghiệp/Tác phẩm tốt nghiệp</i>	<i>10.0</i>	45	15	90	5	40	0	0	30	270	

7. Ma trận liên kết giữa các học phần với CĐR của CTĐT

STT	Mã học phần	Tên học phần	PLOs																
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	TM51001	Triết học Mác- Lênin	L	M													L	M	H
2	KT51001	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	M	L													M	L	M
3	CN51001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	M	M													M	M	M
4	LS51001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	M	M													M	M	M
5	TH51001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	M	M													M	M	M
6	NP51001	Pháp luật đại cương	M	M													M	M	M
7	TG51001	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	M	H	M												M	H	M
8	QQ56011	Viết luận Tiếng Anh (Academic Writing)	M	M	H								M				M	M	
9	TT51001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	L	M	M													M	
10	TT51002	Lịch sử văn minh thế giới	L	M	M													M	
11	NN51015	Bồi dưỡng kỹ năng Tiếng Anh	H	M	M								M					M	
12	QT51001	Quan hệ quốc tế đại cương	M	M	M													M	
13	ĐC51003	Tin học ứng dụng		H	M									H				M	
14	NN01015	Tiếng Anh học phần 1		H	M								H					M	
15	NN01016	Tiếng Anh học phần 2		H	M								H					M	
16	NN01017	Tiếng Anh học phần 3		H	M								H					M	
17	NN01023	Tiếng Anh học phần 4		H	M								H					M	
18	QQ52003	Lý thuyết truyền thông và quan hệ công chúng		M	M	M	M										M	M	L
19	QQ56002	Nhập môn Quan hệ công chúng và Quảng cáo		M	M	M	M										M	M	L
20	QQ56001	Marketing		M	M	M	M										M	M	L
21	QQ52001	Kỹ năng xã hội 1 – Thể chất		L														L	
22	QQ56003	Nhập môn truyền thông tiếp thị		M	M	M	M							M			M	M	L

		tích hợp IMC																	
23	QQ52004	Ngôn ngữ truyền thông		M	M	M	M										M	M	L
24	QQ56005	Truyền thông xã hội		M	M	M	M										M	M	L
25	QQ52002	Luật và đạo đức báo chí truyền thông		M	M	M	M										M	M	L
26	QQ52005	Truyền thông trong lãnh đạo, quản lý		M	M	M	M										M	M	L
27	QQ56004	Truyền thông quốc tế		M	M	M	M										M	M	L
28	QQ53015	Xây dựng và quản trị thương hiệu		M	M	M	M										M	M	L
29	QQ53011	Thiết kế trình bày các sản phẩm truyền thông		M	M	M	M							H	H		M	M	L
30	QQ53006	Nghiên cứu và đánh giá trong truyền thông		H	H	H	H	L	L	L	L			M	M	M	M	M	L
31	QQ53007	Quan hệ báo chí		H	H	H	H	L	L	L	L			M	M	M	M	M	L
32	QQ56007	Chiến dịch truyền thông		H	H	H	H	L	L	L	L			M	M	M	M	M	L
33	QQ53002	Chiến lược Marketing						H	H	H	H			M	M	M	M	M	L
34	QQ53010	Sáng tạo nội dung						H	H	H	H			M	M	M	M	M	L
35	QQ53009	Sản xuất sản phẩm truyền thông						H	H	H	H			M	M	M	M	M	L
36	QQ56008	Hành vi khách hàng						H	H	H	H			M	M	M	M	M	M
37	QQ53012	Tổ chức sự kiện						H	H	H	H			M	M	M	M	M	M
38	QQ53001	Các chuyên đề truyền thông						H	H	H	H			M	M	M	M	M	M
39	QQ53004	Kỹ năng xã hội 2 – Tranh biện						L	L	L	L			M	M	M	M	M	M
40	QQ53014	Văn hóa doanh nghiệp						H	H	H	H			M	M	M	M	M	M
41	QQ53013	Vận động hành lang trong quan hệ công chúng						H	H	H	H			M	M	M	M	M	M
42	QQ53003	Kĩ năng bán hàng						H	H	H	H			M	M	M	M	M	M
43	QQ53008	Quản lý vấn đề và xử lý khủng hoảng						H	H	H	H			M	M	M	M	M	M

44	QQ53005	Kỹ năng xã hội 3 – Lễ tân ngoại giao và Hồ sơ xin việc						H	H	H	H			M	M	M	M	M	M
45	QQ56006	Gây quỹ						H	H	H	H			M	M	M	M	M	M
46	QQ56009	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp - CSR						H	H	H	H			M	M	M	M	M	M
47	QQ56010	Truyền thông quảng bá ngôi sao						H	H	H	H			M	M	M	M	M	M
48	QQ54014	Thực tế kinh tế - xã hội		M	M	M	M	H	H	H	H	L	L	M	M	M	H	H	H
49	QQ54015	Thực tập nghề nghiệp		M	M	M	M	H	H	H	H	L	L	M	M	M	H	H	H
50	QQ54016	Khóa luận tốt nghiệp/Tác phẩm tốt nghiệp	L	M	M	M	M	H	H	H	H	M	M	M	M	M	H	H	H

8. Phương pháp giảng dạy và Hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

8.1. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy phải đa dạng, phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, của các học phần trong chương trình đào tạo. Một số phương pháp giảng dạy cơ bản được sử dụng trong chương trình đào tạo: Giảng lý thuyết, thảo luận (thảo luận nhóm, thảo luận chuyên đề), nghiên cứu trường hợp (Case study), dạy học thông qua vấn đề (Problem-based learning), dạy học thông qua làm dự án (Project-based learning), thuyết trình (người học thuyết trình - Presentation), đóng vai, mô phỏng (Roleplay, simulation), làm thí nghiệm, bài tập thực hành (Experiment, exercise), nghiên cứu thực địa, thực tế, thực tập (Fieldwork)...

8.2 Hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 12; điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 15 Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 1111/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 12/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

T T	Tên học phần	Trực tiếp										Trực tuyến (tối đa 30%)									
		Tự luận	Trắc nghiệ m	Tự luận + Trắc nghiệ m	Tự luận, trắc nghiệ m, vấn đáp	Vấn đáp	Thực hành	Thực hành + Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệ m	Tự luận + Trắc nghiệ m	Tự luận, trắc nghiệ m, vấn đáp	Vấn đáp	Thực hành	Thực hành + Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
1	Triết học Mác-Lênin	X										X									
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	X										X									
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X										X									
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X				X						X				X					
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X								X										X	
6	Pháp luật đại cương	X												X							
7	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và	X										X									

T T	Tên học phần	Trực tiếp										Trực tuyến (tối đa 30%)									
		Tự luận	Trắc nghiệ m	Tự luận + Trắc nghiệ m	Tự luận, trắc nghiệ m, văn đáp	Vấn đáp	Thực hành	Thực hành + Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệ m	Tự luận + Trắc nghiệ m	Tự luận, trắc nghiệ m, văn đáp	Vấn đáp	Thực hành	Thực hành + Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
	nhân văn																				
8	Viết luận Tiếng Anh (Academic Writing)								X										X		
9	Cơ sở văn hóa Việt Nam	X										X									
10	Lịch sử văn minh thế giới	X										X									
11	Bồi dưỡng kỹ năng Tiếng Anh	X										X									
12	Quan hệ quốc tế đại cương			X										X							
13	Tin học ứng dụng							X										X			
14	Tiếng Anh học phần 1			X										X							
15	Tiếng Anh học phần 2			X										X							
16	Tiếng Anh			X										X							

T T	Tên học phần	Trực tiếp										Trực tuyến (tối đa 30%)									
		Tự luận	Trắc nghiệ m	Tự luận + Trắc nghiệ m	Tự luận, trắc nghiệ m, vấn đáp	Vấn đáp	Thực hành	Thực hành + Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệ m	Tự luận + Trắc nghiệ m	Tự luận, trắc nghiệ m, vấn đáp	Vấn đáp	Thực hành	Thực hành + Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
	học phần 3																				
17	Tiếng Anh học phần 4			X										X							
18	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất			X										X							
19	Kỹ thuật Điện kinh							X										X			
20	Thể dục cơ bản							X										X			
21	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	X										X									
22	Công tác quốc phòng và an ninh	X										X									
23	Quân sự chung							X										X			

T T	Tên học phần	Trực tiếp										Trực tuyến (tối đa 30%)									
		Tự luận	Trắc nghiệ m	Tự luận + Trắc nghiệ m	Tự luận, trắc nghiệ m, văn đáp	Vấn đáp	Thực hành	Thực hành + Văn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệ m	Tự luận + Trắc nghiệ m	Tự luận, trắc nghiệ m, văn đáp	Vấn đáp	Thực hành	Thực hành + Văn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
24	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật						X										X				
25	Kỹ thuật Bóng chuyền							X										X			
26	Kỹ thuật Bóng rổ							X										X			
27	Võ Vovinam							X										X			
28	Aerobic							X										X			
29	Lý thuyết truyền thông và quan hệ công chúng								X										X		
30	Nhập môn Quan hệ công chúng và Quảng cáo									X										X	
31	Marketing	X										X									
32	Kỹ năng xã hội 1 –									X										X	

T T	Tên học phần	Trực tiếp										Trực tuyến (tối đa 30%)									
		Tự luận	Trắc nghiệ m	Tự luận + Trắc nghiệ m	Tự luận, trắc nghiệ m, vấn đáp	Vấn đáp	Thực hành	Thực hành + Vấn đáp	Tiêu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệ m	Tự luận + Trắc nghiệ m	Tự luận, trắc nghiệ m, vấn đáp	Vấn đáp	Thực hành	Thực hành + Vấn đáp	Tiêu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
	Thế chất																				
33	Nhập môn truyền thông tiếp thị tích hợp IMC									X										X	
34	Ngôn ngữ truyền thông									X										X	
35	Truyền thông xã hội										X										X
36	Luật và đạo đức báo chí truyền thông								X										X		
37	Truyền thông trong lãnh đạo, quản									X										X	

T T	Tên học phần	Trực tiếp										Trực tuyến (tối đa 30%)									
		Tự luận	Trắc nghiệ m	Tự luận + Trắc nghiệ m	Tự luận, trắc nghiệ m, vấn đáp	Vấn đáp	Thực hành	Thực hành + Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệ m	Tự luận + Trắc nghiệ m	Tự luận, trắc nghiệ m, vấn đáp	Vấn đáp	Thực hành	Thực hành + Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
	lý																				
38	Truyền thông quốc tế								X										X		
39	Xây dựng và quản trị thương hiệu										X										X
40	Thiết kế trình bày các sản phẩm truyền thông										X										X
41	Nghiên cứu và đánh giá trong truyền thông									X										X	
42	Quan hệ									X										X	

T T	Tên học phần	Trực tiếp										Trực tuyến (tối đa 30%)									
		Tự luận	Trắc nghiệ m	Tự luận + Trắc nghiệ m	Tự luận, trắc nghiệ m, vấn đáp	Vấn đáp	Thực hành	Thực hành + Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệ m	Tự luận + Trắc nghiệ m	Tự luận, trắc nghiệ m, vấn đáp	Vấn đáp	Thực hành	Thực hành + Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
	báo chí																				
43	Chiến dịch truyền thông										X										X
44	Chiến lược Marketing									X										X	
45	Sáng tạo nội dung									X										X	
46	Sản xuất sản phẩm truyền thông										X										X
47	Hành vi khách hàng									X										X	
48	Tổ chức sự kiện									X										X	
49	Các chuyên đề									X										X	

T T	Tên học phần	Trực tiếp										Trực tuyến (tối đa 30%)									
		Tự luận	Trắc nghiệ m	Tự luận + Trắc nghiệ m	Tự luận, trắc nghiệ m, vấn đáp	Vấn đáp	Thực hành	Thực hành + Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệ m	Tự luận + Trắc nghiệ m	Tự luận, trắc nghiệ m, vấn đáp	Vấn đáp	Thực hành	Thực hành + Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
		truyền thông																			
50	Kỹ năng xã hội 2 – Tranh biện					X										X					
51	Văn hóa doanh nghiệp								X										X		
52	Vận động hành lang trong quan hệ công chúng	X										X									
53	Kỹ năng bán hàng								X										X		
54	Quản lý vấn đề và xử lý khủng									X										X	

T T	Tên học phần	Trực tiếp										Trực tuyến (tối đa 30%)									
		Tự luận	Trắc nghiệ m	Tự luận + Trắc nghiệ m	Tự luận, trắc nghiệ m, vấn đáp	Vấn đáp	Thực hành	Thực hành + Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệ m	Tự luận + Trắc nghiệ m	Tự luận, trắc nghiệ m, vấn đáp	Vấn đáp	Thực hành	Thực hành + Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
	hoàng																				
55	Kỹ năng xã hội 3 – Lễ tân ngoại giao và Hồ sơ xin việc					X										X					
56	Gây quỹ									X										X	
57	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp – CSR									X										X	
58	Truyền thông quảng bá ngôi sao									X										X	
59	Thực tế kinh tế - xã hội										X										X

T T	Tên học phần	Trực tiếp										Trực tuyến (tối đa 30%)									
		Tự luận	Trắc nghiệ m	Tự luận + Trắc nghiệ m	Tự luận, trắc nghiệ m, vấn đáp	Vấn đáp	Thực hành	Thực hành + Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệ m	Tự luận + Trắc nghiệ m	Tự luận, trắc nghiệ m, vấn đáp	Vấn đáp	Thực hành	Thực hành + Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
60	Thực tập nghề nghiệp										X										X
61	Khóa luận tốt nghiệp /Tác phẩm tốt nghiệp										X										X

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

9.1. Kế hoạch đào tạo dự kiến

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
1	TM51001	Triết học Mác- Lênin`	X							
2	KT51001	Kinh tế chính trị Mác- Lênin		X						
3	CN51001	Chủ nghĩa xã hội khoa học		X						
4	LS51001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X							
5	TH51001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X							
6	NP51001	Pháp luật đại cương				X				
7	TG51001	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn			X					
8	QQ56011	Viết luận Tiếng Anh (Academic Writing)			x					
9	TT51001	Cơ sở văn hóa Việt Nam			X					
10	TT51002	Lịch sử văn minh thế giới			X					
11	NN51015	Bồi dưỡng kỹ năng Tiếng Anh	X							
12	QT51001	Quan hệ quốc tế đại cương	X							
13	ĐC01005	Tin học ứng dụng		X						
14	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	X							
15	NN01016	Tiếng Anh học phần 2		X						
16	NN01017	Tiếng Anh học phần 3			X					
17	NN01023	Tiếng Anh học phần 4				X				
18	QQ52003	Lý thuyết truyền thông và quan hệ công chúng	X							
19	QQ56002	Nhập môn Quan hệ công chúng và Quảng cáo		X						
20	QQ56001	Marketing				X				
21	QQ52001	Kỹ năng xã hội 1 – Thể chất			X					
22	QQ56003	Nhập môn truyền thông tiếp thị tích hợp IMC		X						
23	QQ52004	Ngôn ngữ truyền thông					X			
24	QQ56005	Truyền thông xã hội					X			

25	QQ52002	Luật và đạo đức báo chí truyền thông			X					
26	QQ52005	Truyền thông trong lãnh đạo, quản lý			X					
27	QQ56004	Truyền thông quốc tế			X					
28	QQ53015	Xây dựng và quản trị thương hiệu					X			
29	QQ53011	Thiết kế trình bày các sản phẩm truyền thông				X				
30	QQ53006	Nghiên cứu và đánh giá trong truyền thông				X				
31	QQ53007	Quan hệ báo chí					X			
32	QQ56007	Chiến dịch truyền thông					X			
33	QQ53002	Chiến lược Marketing					X			
34	QQ53010	Sáng tạo nội dung					X			
35	QQ53009	Sản xuất sản phẩm truyền thông							X	
36	QQ56008	Hành vi khách hàng				X				
37	QQ53012	Tổ chức sự kiện						X		
38	QQ53001	Các chuyên đề truyền thông							X	
39	QQ53004	Kỹ năng xã hội 2 – Tranh biện						X		
40	QQ53014	Văn hóa doanh nghiệp						X		
41	QQ53013	Vận động hành lang trong quan hệ công chúng						X		
42	QQ53003	Kỹ năng bán hàng						X		
43	QQ53008	Quản lý vấn đề và xử lý khủng hoảng							X	
44	QQ53005	Kỹ năng xã hội 3 – Lễ tân ngoại giao và Hồ sơ xin việc							X	
45	QQ56006	Gây quỹ							X	
46	QQ56009	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp - CSR							X	
47	QQ56010	Truyền thông quảng bá ngôi sao							X	
48	QQ54014	Thực tế kinh tế - xã hội					X			
49	QQ54015	Thực tập nghề nghiệp								X
50	QQ54016	Khóa luận tốt nghiệp/Tác phẩm tốt nghiệp								X

9.2. Kế hoạch điều chỉnh chương trình

Chương trình được đánh giá định kỳ 2 năm/lần, được đổi mới, hoàn thiện theo định kỳ 4 năm/lần, hoặc khi có sự thay đổi về chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu xã hội đối với ngành nghề đào tạo, những yêu cầu mới về phẩm chất, năng lực lao động của cơ quan sử dụng nguồn lực đào tạo.

*** Quy trình điều chỉnh chương trình đào tạo:**

- Tổ chức thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật chương trình đào tạo (những thay đổi trong quy định của Nhà nước, Học viện Báo chí và Tuyên truyền về chương trình đào tạo; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành; các vấn đề kinh tế - xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn...).

- Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo và tổ chức lấy ý kiến của giảng viên trong khoa về các nội dung điều chỉnh.

- Trình Hội đồng khoa học khoa xem xét thông qua các nội dung điều chỉnh.

- Khoa nộp cho Học viện bản đề xuất các nội dung điều chỉnh chương trình đào tạo, các tài liệu và biên bản theo quy định.

*** Các nguyên tắc điều chỉnh chương trình đào tạo:**

- Thời lượng của chương trình đào tạo gồm 130 tín chỉ. Chương trình phải đảm bảo tính khoa học và hội nhập; cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình phải đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra.

- Các học phần mới bổ sung vào chương trình đào tạo hoặc các học phần thuộc chương trình đào tạo có nội dung được điều chỉnh phải có đề cương chi tiết học phần theo mẫu quy định, được tổ bộ môn thông qua.

- Việc đưa học phần mới, bổ sung và điều chỉnh nội dung học phần phải được Hội đồng khoa học khoa thông qua và xác nhận.

*** Điều chỉnh chương trình với học phần thay thế:**

- Người học sử dụng học phần thay thế tương đương với học phần tự chọn trong chương trình khung.

- Trong trường hợp tính đến thời điểm đăng ký, học phần cũ tăng số tín chỉ, thì người học phải học học phần đó với số tín chỉ mới.

Nếu học phần tích hợp có số tín chỉ cao hơn trong chương trình mới, người học phải học học phần thay thế trong chương trình khung.

Đối với học lại, học song bằng, nếu không tổ chức được lớp cho những học phần bắt buộc trong chương trình cũ, người học có thể học các học phần tương đương hoặc thay thế.

9.3. Các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình:

- Về cơ sở vật chất, phòng học, trang thiết bị đào tạo

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có trụ sở tại số 36, đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội với tổng diện tích đất 80.464m² và diện tích sử dụng là 57.310 m².

Để phục vụ việc giảng dạy và nghiên cứu, Học viện có một hệ thống giảng đường với 1 hội trường lớn (800 chỗ); 1 giảng đường trên 200 chỗ; 8 phòng học từ 100 - 200 chỗ, 56 phòng học cho 50 - 100 học viên và 29 phòng học dưới 50 chỗ. Hầu hết các giảng đường và phòng học của Học viện đều được lắp đặt máy chiếu Projector để giảng viên sử dụng vào quá trình giảng dạy. Tất cả các giảng đường và phòng học đều được lắp đặt hệ thống âm thanh. Hơn 100 phòng học đã được trang bị điều hòa. Học viện có 3 phòng học ngoại ngữ, 5 phòng giảng dạy và thực hành máy vi tính. Trung tâm Thông tin Tư liệu - Thư viện với các phòng: phòng đọc sách, phòng đọc tạp chí, phòng mượn, phòng ngoại văn, sẵn sàng đáp ứng các nhu cầu đa dạng của cán bộ công nhân viên chức và sinh viên trong trường. Ngoài ra, Học viện có phòng dựng phim, phòng máy photocopy, máy in siêu tốc, máy Fax.

Học viện có trang Web được đưa lên mạng Internet và sử dụng các phần mềm tin học ứng dụng trong quản lý, khai thác các dữ liệu, tư liệu, tài liệu đào tạo. Khoa QHCC và QC có hệ thống mạng internet wifi và các thiết bị hiện đại phục vụ công tác giảng dạy và học tập. Đặc biệt, Khoa còn xây dựng riêng một tủ sách chuyên ngành PR, quảng cáo, truyền thông - marketing gồm cả tiếng Việt và tiếng Anh, tổ chức phục vụ sinh viên ngay tại văn phòng khoa.

- Về đội ngũ giảng viên

Đội ngũ giảng viên giảng dạy ngành Truyền thông - Marketing của Học viện Báo chí và Tuyên truyền có: 01 Nghiên cứu sinh, 06 Thạc sĩ cùng một số lượng đông đảo các tiến sĩ, giáo sư, phó giáo sư, chuyên gia ngành Báo chí, truyền thông đảm nhận chức danh giảng viên kiêm nhiệm tại khoa.

Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo cử nhân ngành Quảng cáo – Marketing được tuyển chọn từ đội ngũ những giảng viên có năng lực và nhiệt huyết với nghề, có kiến thức nền tảng vững chắc, trình độ ngoại ngữ khá và thành thạo trong công nghệ phục vụ ngành học. Được đào tạo cơ bản từ các trường có uy tín trong và ngoài nước như Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Trường

đại học Sư phạm ngoại ngữ Đại học - Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Ngoại thương, Đại học Tổng Hợp Công nghệ Sydney (UTS, Úc), Đại học Queensland (Úc), Đại học Nottingham Trent (Anh Quốc), Đại học Murray State (Mỹ). Tham gia giảng dạy chương trình có nhiều giảng viên, chuyên gia ở các trường đại học ở khu vực phía Bắc, nhiều chuyên gia trong lĩnh vực quan hệ công chúng, truyền thông, marketing và giảng viên mời đến từ một số tổ chức, trường đại học đối tác ở nước ngoài của Học viện.

- Về Thư viện

Hiện nay, Trung tâm Thông tin Khoa học trực thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền là cơ sở thông tin quan trọng, hỗ trợ giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học trong toàn Học viện. Tổng diện tích sử dụng của Trung tâm là 3419m² trong đó có 2 phòng đọc diện tích 100m², số lượng chỗ ngồi là 200 người, phòng bổ sung kỹ thuật, phòng hội thảo khoa học, phòng Internet với trên 20 máy tính phục vụ tra cứu, 4 kho để sách cùng các trang thiết bị phục vụ tương đối hiện đại. Trung tâm Thông tin Khoa học thường xuyên cập nhật các tài liệu mới, tổ chức biên tập, in ấn và phát hành giáo trình, tài liệu học tập phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức và sinh viên của Học viện. Đặc biệt, hệ thống thư viện đáp ứng nhu cầu đa dạng của người đọc với các phòng: phòng đọc sách, phòng đọc báo, tạp chí, phòng mượn tổng hợp, phòng ngoại văn... Hoạt động nghiệp vụ của thư viện được tin học hoá giúp cho việc mượn, trả và quản lý, khai thác có hiệu quả các tài liệu của thư viện. Các sách liên quan đến lĩnh vực chính trị, xã hội, ngoại giao nói chung và công tác tư tưởng nói riêng rất phong phú, là nguồn tư liệu quý giá để tra cứu tài liệu cho hoạt động đào tạo và học tập.

Nhà trường cũng có Thư viện điện tử hiện đại trang bị hệ thống sách, giáo trình tài liệu tham khảo phong phú đa dạng với 3608 tài liệu, có thể đọc toàn văn tài liệu số theo địa chỉ: thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace.

10. Bản đối sánh giữa các phiên bản của CTĐT (phiên bản được ban hành trước đó và phiên bản hiện tại)

TT	Tiêu chí	Chương trình năm 2020	Chương trình năm 2022	Ghi chú (Giống/khác nhau, lý giải nguyên nhân, căn cứ của việc điều chỉnh)
----	----------	-----------------------	-----------------------	--

1	Mục tiêu chung	Đào tạo, bồi dưỡng cử nhân ngành truyền thông marketing hàng đầu có năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong lĩnh vực truyền thông và marketing; có kiến thức chuyên môn sâu, rộng; có kỹ năng nghiệp vụ, có tư duy sáng tạo, phân biện, có khả năng thích ứng với hoàn cảnh, làm việc trong môi trường công nghệ cao và hội nhập quốc tế; có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng HCM, yêu nước, trung thành với mục tiêu và lý tưởng của Đảng; có năng lực tự chủ và khả năng học tập suốt đời.	Đào tạo, bồi dưỡng cử nhân ngành truyền thông marketing hàng đầu có năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong lĩnh vực truyền thông và marketing; có kiến thức chuyên môn sâu, rộng; có kỹ năng nghiệp vụ, có tư duy sáng tạo, phân biện, có khả năng thích ứng với hoàn cảnh, làm việc trong môi trường công nghệ cao và hội nhập quốc tế; có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, trung thành với mục tiêu và lý tưởng của Đảng; có năng lực tự chủ và khả năng học tập suốt đời.	- Giống nhau
	Mục tiêu cụ thể	Có 12 mục tiêu cụ thể, trong đó gồm: - 4 mục tiêu kiến thức - 8 mục tiêu kỹ năng và mức độ tự chủ	Có 12 mục tiêu cụ thể, trong đó gồm: - 4 mục tiêu kiến thức - 8 mục tiêu kỹ năng và mức độ tự chủ	- Về cơ bản giống nhau, viết nhất quán lại hơn về các cụm từ “truyền thông marketing” “QHCC”
	Vị trí việc làm sau tốt nghiệp	Người được đào tạo có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm sau đây: - Nhân viên tại các công ty truyền thông chuyên nghiệp trong và ngoài nước. - Cán bộ truyền thông, QHCC, Marketing cho các tổ chức của Nhà nước, doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ. - Cán bộ nghiên cứu khoa học QHCC và hoạt động thực tiễn. - Cán bộ tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo,	Giống năm 2020	Giống nhau

		quản lý công tác báo chí truyền thông.		
	Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường	Không trình bày cụ thể.	Trình bày cụ thể hơn.	- Bổ sung và ghi rõ thêm cơ hội.
2	Căn cứ xây dựng chương trình	<i>Về các chương trình đào tạo tham khảo:</i> - Chương trình đào tạo trong nước: Chương trình cử nhân chất lượng cao ngành Truyền thông Marketing của Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo (Khoa QHCC-QC), Học viện Báo chí và Tuyên truyền, năm 2020 - Chương trình quốc tế: Chương trình cử nhân quốc tế Quảng cáo, QHCC và truyền thông của Đại học Middlesex Vương Quốc Anh tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền, năm 2020 <i>Kết quả khảo sát nhu cầu xã hội</i> Đưa thông tin về kết quả khảo sát nhà tuyển dụng, giảng viên, sinh viên vào các năm trước. <i>Các căn cứ pháp lý</i>	<i>Về các chương trình đào tạo tham khảo:</i> - Chương trình đào tạo trong nước: Chương trình cử nhân chất lượng cao ngành Truyền thông Marketing của Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo (Khoa QHCC-QC), Học viện Báo chí và Tuyên truyền, năm 2022 - Chương trình quốc tế: Chương trình cử nhân quốc tế Quảng cáo, QHCC và truyền thông của Đại học Middlesex Vương Quốc Anh tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền, năm 2022 <i>Kết quả khảo sát nhu cầu xã hội</i> Đưa thông tin về kết quả khảo sát nhà tuyển dụng, giảng viên, sinh viên vào các	- Cập nhật toàn bộ thông tin cho phù hợp với thời điểm năm 2022.

		Đưa thông tin căn cứ pháp lý phù hợp với thời điểm năm 2020.	năm trước. <i>Các căn cứ pháp lý</i> Đưa thông tin căn cứ pháp lý phù hợp với thời điểm năm 2022.	
3	Chuẩn đầu ra	Có 17 chuẩn đầu ra, trong đó gồm: - 7 PLO về kiến thức - 7 PLO về kỹ năng - 3 PLO về năng lực tự chủ và trách nhiệm	Có 17 chuẩn đầu ra, trong đó gồm: - 7 PLO về kiến thức - 7 PLO về kỹ năng - 3 PLO về năng lực tự chủ và trách nhiệm	- Giống nhau
4	Ma trận liên kết mục tiêu, CĐR, Khung trình độ quốc gia	Chưa có	Đã có	- Bổ sung ma trận để làm rõ mối tương quan giữa các mục;
5	Chuẩn đầu vào	Trình bày dưới mục đối tượng tuyển sinh.	Trình bày dưới mục đối tượng tuyển sinh nhưng nội dung có cập nhật theo điều chỉnh của Học viện.	- Điều chỉnh chuẩn đầu vào của CTĐT
6	Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp	Trình bày theo thời gian tốt nghiệp. Thời gian: 4 năm	Trình bày theo thời gian tốt nghiệp. Thời gian: 4 năm	- Về cơ bản giống nhau
7	Nội dung chương trình	Tổng 130 tín chỉ, trong đó: - <i>Kiến thức giáo dục đại cương: 44 tín chỉ, gồm:</i> 11 tín chỉ về Khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh; 18 tín chỉ về Khoa học xã hội và nhân văn, tin học (12 tín bắt buộc và 6 tín tự chọn); 15 tín chỉ ngoại ngữ (tiếng Anh) (không kể 12 tín chỉ thể chất và giáo dục quốc phòng) - <i>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 65 tín chỉ, gồm:</i>	Về cơ bản các môn học giống với năm 2020.	- Bổ sung thêm giờ tự học để thể hiện rõ hơn về vai trò của việc tự nghiên cứu, tự ôn tập sau mỗi giờ giảng trên lớp. - Phân bổ lại cụ thể hơn về số tiết lý thuyết, số tiết thực hành để tương ứng với số tiết tự học. - Tách riêng: Khoá luận, tác

		<u>Kiến thức cơ sở ngành 18 tín chỉ</u> <i>Bắt buộc 12 tín chỉ</i> <i>Tự chọn 6 tín chỉ</i> <u>Kiến thức ngành 26 tín chỉ</u> <i>Bắt buộc 20 tín chỉ</i> <i>Tự chọn 6 tín chỉ</i> <u>Kiến thức chuyên ngành 30 tín chỉ</u> <i>Bắt buộc 17 tín chỉ</i> <i>Thực tập 4 tín chỉ</i> <i>Khoá luận 6 tín chỉ</i> <i>Tự chọn 3 tín chỉ</i> <u>Kiến thức bổ trợ 12 tín chỉ</u> <i>Bắt buộc 9 tín chỉ</i> <i>Tự chọn 3 tín chỉ</i>		phẩm tốt nghiệp/ học phần thay thế KL -
8	Ma trận liên kết học phần với CDR của CTĐT	Đã có	Đã có	- Cập nhật cho sát hơn nữa với CDR
9	Kế hoạch giảng dạy dự kiến	Phân bổ theo kỳ	Phân bổ theo kỳ	- Cập nhật cho sát hơn với thực tế giảng dạy
10	Phương pháp giảng dạy và học tập	Liệt kê được một số phương pháp cơ bản	Giống với năm 2020	- Giống nhau

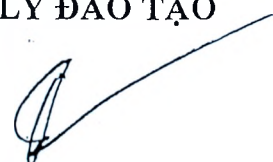
11	Hình thức kiểm tra đánh giá	Trình bày ngắn gọn dạng tóm tắt	Giống với năm 2020	- Điều chỉnh đa dạng, phong phú hơn
13	Điều kiện đội ngũ	Trình bày tổng quan về đội ngũ: số lượng.	Giống với năm 2020	- Giống nhau
14	Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ; Học liệu;	Trình bày dưới dạng tóm tắt thông tin	Giống với năm 2020	- Giống nhau
15	Một số lưu ý về thực hiện chương trình	Trình bày ngắn gọn	Giống với năm 2020	- Giống nhau
16	Bản đối sánh	Chưa có, trình bày riêng ở văn bản khác	Đã có	- Bổ sung bảng đối sánh.
17	Đề cương chi tiết học phần	ĐCCT được làm theo các mục khá giống với năm 2018.	ĐCCT được bổ sung thêm PP dạy và học; chi tiết hơn về pp kiểm tra đánh giá. Phân bổ số tín chỉ đã có thêm giờ tự học. Thêm một số ma trận CĐR.	- Ghi rõ hơn đội ngũ giảng viên phụ trách; - Làm rõ các ma trận liên kết; - Tóm tắt lại mục tiêu, chuẩn đầu ra môn học; - Cập nhật học liệu cũng như nội dung môn;

GIÁM ĐỐC



PGS, TS. Phạm Minh Sơn

**TRƯỞNG BAN
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO**



TS. Trần Văn Thư

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Thị Minh Hiền